

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên  
độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2012

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**Quyết định Thành lập** 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004  
Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng Ký Kinh doanh** 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 13 tháng 9 năm 2011.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Chánh Đạo	Thành viên
	Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
	Ông Lê Đình Bửu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Thành viên	

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Đình Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Trần Thị Ánh Như	Trưởng ban
	Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên
	Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2012 VNĐ</b>	<b>31/12/2011 VNĐ</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.343.945.646.538</b>	<b>1.313.661.016.517</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>398.994.910.069</b>	<b>367.470.471.515</b>
Tiền	111		127.338.363.082	253.806.115.800
Các khoản tương đương tiền	112		271.656.546.987	113.664.355.715
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>446.413.572.458</b>	<b>455.594.547.921</b>
Phải thu thương mại	131		322.076.119.239	320.045.947.907
Trả trước cho người bán	132		81.635.078.245	78.175.999.715
Các khoản phải thu khác	135		44.265.619.049	58.935.844.374
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.563.244.075)	(1.563.244.075)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>487.513.655.442</b>	<b>474.744.126.949</b>
Hàng tồn kho	141		491.988.536.104	479.219.007.611
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.474.880.662)	(4.474.880.662)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.023.508.569</b>	<b>15.851.870.132</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.520.684.007	898.817.101
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.129.797.596	4.296.209.672
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	<b>6</b>	121.455.101	4.094.359.356
Tài sản ngắn hạn khác	158		7.251.571.865	6.562.484.003
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>533.908.991.743</b>	<b>527.395.562.662</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>437.391.416.181</b>	<b>430.525.318.827</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	256.021.836.730	229.545.041.047
Nguyên giá	222		439.991.229.795	402.612.259.283
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.969.393.065)	(173.067.218.236)
Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	159.225.846.601	156.164.943.736
Nguyên giá	228		165.597.359.488	162.000.725.488
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.371.512.887)	(5.835.781.752)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	22.143.732.850	44.815.334.044
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>5.654.593.785</b>	<b>5.816.300.361</b>
Nguyên giá	241		7.790.891.262	7.790.891.262
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.136.297.477)	(1.974.590.901)

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2012 VNĐ</b>	<b>31/12/2011 VNĐ</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>65.154.618.750</b>	<b>65.224.618.750</b>
Đầu tư vào công ty con	251		50.550.000.000	50.550.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		23.787.450.000	23.787.450.000
Đầu tư dài hạn khác	258		11.831.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(21.013.881.450)	(21.013.881.450)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.708.363.027</b>	<b>25.829.324.724</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	20.091.006.651	20.398.249.520
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>30</b>	3.300.000.000	3.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	268		2.317.356.376	2.131.075.204
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.877.854.638.281</b>	<b>1.841.056.579.179</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2012 VNĐ</b>	<b>31/12/2011 VNĐ</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>481.916.467.098</b>	<b>533.556.734.235</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>424.619.003.426</b>	<b>475.686.495.838</b>
Vay ngắn hạn	311	13	24.821.048.516	21.115.601.324
Phải trả thương mại	312	14	99.601.612.332	131.796.776.369
Người mua trả tiền trước	313		660.681.539	589.540.651
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	9.900.233.436	15.214.638.784
Phải trả người lao động	315		72.098.269.958	102.490.566.716
Chi phí phải trả	316	16	163.162.778.738	151.717.148.092
Các khoản phải trả khác	319	17	24.230.251.833	15.448.696.524
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	30.144.127.074	37.313.527.378
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>57.297.463.672</b>	<b>57.870.238.397</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	33.069.250.149	33.464.925.600
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	20	24.228.213.523	24.405.312.797
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.395.938.171.183</b>	<b>1.307.499.844.944</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.395.938.171.183</b>	<b>1.307.499.844.944</b>
Vốn cổ phần	411	21	651.764.290.000	651.764.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	414	21	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		281.459.992.012	281.459.992.012
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.026.578.871	66.026.578.871
Lợi nhuận chưa phân phối	420		397.143.160.300	308.704.834.061
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.877.854.638.281</b>	<b>1.841.056.579.179</b>

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
Kế toán trưởng

Lê Chánh Đạo  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 04 năm 2012

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
			31/03/2012 VNĐ	31/03/2011 VNĐ
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>576.113.768.911</b>	<b>566.262.371.871</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>22</b>	<b>(2.231.719.310)</b>	<b>(2.415.841.262)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>573.882.049.601</b>	<b>563.846.530.609</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>(331.053.196.906)</b>	<b>(316.230.063.861)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>242.828.852.695</b>	<b>247.616.466.748</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.621.074.921	11.794.228.634
Chi phí tài chính	22	25	(1.531.961.207)	(1.394.293.555)
Trong đó: chi phí lãi vay			(850.659.172)	(323.372.767)
Chi phí bán hàng	24	26	(118.358.448.897)	(134.522.485.211)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	(30.635.197.360)	(33.233.792.478)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>97.924.320.152</b>	<b>90.260.124.138</b>
Thu nhập khác	31	28	1.922.761.695	1.223.550.042
Chi phí khác	32	29	(1.155.969.857)	(1.107.505.042)
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>766.791.838</b>	<b>116.045.000</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>98.691.111.990</b>	<b>90.376.169.138</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>(10.252.785.751)</b>	<b>(11.132.689.955)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>60</b>		<b>88.438.326.239</b>	<b>79.243.479.183</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>1.357</b>	<b>2.946</b>

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
Kế toán trưởngLê Chánh Đạo  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 04 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012**

	<b>Vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VNĐ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VNĐ</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VNĐ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	<b>269.129.620.000</b>	<b>378.761.392.824</b>	<b>(455.850.000)</b>	<b>187.595.334.349</b>	<b>59.884.587.817</b>	<b>319.917.178.729</b>	<b>1.214.832.263.719</b>
Phát hành cổ phiếu	2,500,000,000	-	-	-	-	-	2,500,000,000
Cổ phiếu thưởng	380,134,670,000	(378,761,392,824)	-	(1,373,277,176)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	401,515,191,674	401,515,191,674
Cổ tức	-	-	-	-	-	(260,665,196,000)	(260,665,196,000)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	95,237,934,839	6,141,991,054	(101,379,925,893)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(41,375,186,813)	(41,375,186,813)
Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(9,307,227,636)	(9,307,227,636)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>651,764,290,000</b>	<b>0</b>	<b>(455,850,000)</b>	<b>281,459,992,012</b>	<b>66,026,578,871</b>	<b>308,704,834,061</b>	<b>1,307,499,844,944</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

	<b>Vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VNĐ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VNĐ</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VNĐ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>651,764,290,000</b>	-	<b>(455,850,000)</b>	<b>281,459,992,012</b>	<b>66,026,578,871</b>	<b>308,704,834,061</b>	<b>1,307,499,844,944</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ						88.438.326.239	88.438.326.239
<b>Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2012</b>	<b>651.764.290.000</b>	-	<b>(455.850.000)</b>	<b>281.459.992.012</b>	<b>66.026.578.871</b>	<b>397.143.160.300</b>	<b>1.395.938.171.183</b>

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
*Kế toán trưởng*

Lê Chánh Đạo  
*Phó Tổng Giám đốc*

Ngày 24 tháng 04 năm 2012

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012**

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>Từ ngày 1/1/2012</b>	<b>Từ ngày 1/1/2011</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>đến 31/3/2012</b>	<b>đến 31/3/2011</b>
			<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>98.691.111.990</b>	<b>90.376.169.138</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		13.037.053.886	9.739.440.502
Các khoản dự phòng	03		-	1.833.393.194
Lãi thanh lý tài sản cố định	04		(114.531.465)	151.057.289
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	05		(20.000.000)	
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06		(5.232.424.464)	(78.300.000)
Chi phí lãi vay	07		850.659.172	323.372.767
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>107.211.869.119</b>	<b>102.345.132.890</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		12.767.151.482	(59.392.938.712)
Biến động hàng tồn kho	10		(12.769.528.493)	(60.030.501.652)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(52.083.704.762)	13.845.652.874
Biến động chi phí trả trước	12		(1.621.866.906)	(1.388.540.723)
			<b>53.503.920.440</b>	<b>(4.621.195.323)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(761.753.122)	(463.662.146)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(16.319.115.783)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.346.499.578)	(2.113.948.115)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.395.667.740</b>	<b>(23.517.921.367)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

	Mã	Thuyết	Từ ngày 1/1/2012	Từ ngày 1/1/2011
	số	minh	đến 31/3/2012	đến 31/3/2011
			VNĐ	VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(23.607.428.998)	(18.334.977.482)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		642.398.966	-
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	24			
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	25		155.929.190	
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	27		-	-
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	28		-	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	29		5.232.424.464	9.501.766.170
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.576.676.378)</b>	<b>(8.833.211.312)</b>
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		7.422.744.023	4.833.524.891
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.717.296.831)	(3.151.016.192)
Tiền trả cổ tức	36		-	-
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.705.447.192</b>	<b>1.682.508.699</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>31.524.438.554</b>	<b>(30.668.623.980)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>367.470.471.515</b>	<b>577.662.484.017</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>398.994.910.069</b>	<b>546.993.860.037</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31**  
**tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
*Kế toán trưởng*

Lê Chánh Đạo  
*Phó Tổng Giám đốc*

Ngày 24 tháng 04 năm 2012

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty có 2.227 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.076 nhân viên).

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con và phát hành riêng các báo cáo này.

**(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**(c) *Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính***

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính được thuyết minh theo Thông tư 210 không yêu cầu thuyết minh số liệu so sánh do việc áp dụng phi hồi tố.

**(d) *Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

**(e) *Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**(f) *Các khoản đầu tư***

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(g) *Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

#### **(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(i) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

#### **(j) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(iii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

**(k) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

**(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Nâng cấp tài sản thuê**

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 41 năm.

**(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(o) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**(q) *Vốn cổ phần***

**(i) *Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**(ii) *Cổ phiếu quỹ***

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**(r) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu***

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**(s) *Doanh thu***

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) *Thu nhập cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

**(t) *Các khoản thanh toán thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**(u) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá của tài sản có liên quan.

**(v) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	29.652.212.505	39.616.249.203
Tiền gửi ngân hàng	97.175.021.770	210.488.738.232
Tiền đang chuyển	511.128.807	3.701.128.365
Các khoản tương đương tiền	271.656.546.987	113.664.355.715
	<hr/>	<hr/>
	398.994.910.069	367.470.471.515
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 có số ngoại tệ tương đương 10.877 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10.810 triệu VNĐ).

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu từ các công ty con	99.462.732.341	111.851.774.089
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	356.765.200
Phải thu từ các bên thứ ba	222.256.621.698	207.837.408.618
	<hr/>	<hr/>
	322.076.119.239	320.045.947.907
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí hoa hồng trả trước	38.726.413.013	43.434.893.278
Các khoản cho vay (*)	1.960.938.481	2.116.867.671
Phải thu công ty con	230.516.920	824.237.787
Phải thu từ công nhân viên	765.655.846	10.865.879.179
Phải thu chi ứng trước dự án Tân Phú Thạnh	361.474.545	411.187.533
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Cty CP Dược phẩm Bà Rịa Vũng Tàu	90.000.000	
Phải thu khác	2.130.620.244	1.282.778.926
	<hr/>	<hr/>
	44.265.619.049	58.935.844.374
	<hr/>	<hr/>

(\*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và được hưởng lãi suất năm từ 10,5% đến 14% (2011: 10,5% đến 14%) trong năm.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>2011</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	1.563.244.075	4.587.387.069
Tăng dự phòng trong kỳ		-
Hoàn nhập		(3.024.142.994)
Sử dụng dự phòng trong kỳ		
	<hr/> 1.563.244.075	<hr/> 1.563.244.075

Số dư của các khoản phải thu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu này.

Tình trạng rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản nợ phải thu tối đa mà không cần sự chấp thuận của Ban Giám đốc. Hạn mức tín dụng này được xem xét lại từng năm. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm. Không có tài sản thế chấp nào được nhận từ khách hàng.

## **5. Hàng tồn kho**

	<b>31/03/2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VNĐ</b>
Hàng mua đang đi đường	63.884.657.600	84.006.950.234
Nguyên vật liệu	175.541.943.726	173.962.372.778
Sản phẩm dở dang	34.492.716.689	36.179.562.499
Thành phẩm	216.502.693.262	182.653.728.641
Hàng hóa	1.566.524.827	1.318.932.032
Hàng gửi đi bán	-	1.097.461.427
	<hr/> 491.988.536.104	<hr/> 479.219.007.611
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.474.880.662)	(4.474.880.662)
	<hr/> 487.513.655.442	<hr/> 474.744.126.949

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>2011</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	4.474.880.662	2.965.968.111
Tăng dự phòng trong kỳ		1.508.912.551
Hoàn nhập		-
Số dư cuối kỳ	4.474.880.662	4.474.880.662

**6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Các khoản phải thu thuế bao gồm:

	<b>31/03/2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VNĐ</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.995.583.961
Thuế xuất nhập khẩu	121.455.101	98.775.395
	121.455.101	4.094.359.356

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VNĐ</b>	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ</b>	<b>Thiết bị văn phòng VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	117.485.487.414	159.529.732.168	73.318.740.567	52.278.299.134	402.612.259.283
Tăng trong kỳ	592.273.243	5.112.230.000	248.685.000	1.161.604.873	7.114.793.116
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.358.106.380	15.661.178.241	9.883.313.753	19.645.000	31.922.243.374
Thanh lý	-	(9.000.000)	(1.453.410.566)	(195.655.412)	(1.658.065.978)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>124.435.867.037</b>	<b>180.294.140.409</b>	<b>81.997.328.754</b>	<b>53.263.893.595</b>	<b>439.991.229.795</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	27.292.731.016	86.668.197.259	29.284.684.789	29.821.605.172	173.067.218.236
Khấu hao trong kỳ	2.395.587.579	4.901.264.736	3.037.867.712	1.697.653.279	12.032.373.306
Thanh lý	-	(9.000.000)	(925.543.065)	(195.655.412)	(1.130.198.477)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>29.688.318.595</b>	<b>91.560.461.995</b>	<b>31.397.009.436</b>	<b>31.323.603.039</b>	<b>183.969.393.065</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	90.192.756.398	72.861.534.909	44.034.055.778	22.456.693.962	229.545.041.047
Số dư cuối kỳ	94.747.548.442	88.733.678.414	50.600.319.318	21.940.290.556	256.021.836.730

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 63.392 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 03 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 59.161 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ</b>	<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	103.758.193.658	52.594.912.775	5.647.619.055	162.000.725.488
Tăng trong kỳ	3.079.554.000	517.080.000	-	3.596.634.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	106.837.747.658	53.111.992.775	5.647.619.055	165.597.359.488
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	4.040.212.851	1.795.568.901	5.835.781.752
Khấu hao trong kỳ	-	285.137.865	250.593.270	535.731.135
Số dư cuối kỳ	-	4.325.350.716	2.046.162.171	6.371.512.887
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	103.758.193.658	48.554.699.924	3.852.050.154	156.164.943.736
Số dư cuối kỳ	106.837.747.658	48.786.642.059	3.601.456.884	159.225.846.601

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2012 VNĐ</b>	<b>2011 VNĐ</b>
Số dư đầu năm	44.815.334.044	7.632.452.186
Tăng trong kỳ	9.250.642.180	124.086.162.178
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(31.922.243.374)	(84.187.878.657)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.540.241.968)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(6.244.545)
Chuyển sang chi phí quỹ KHCN	-	(168.915.150)
Số dư cuối kỳ	22.143.732.850	44.815.334.044

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**10. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà của VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	7.790.891.262
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.790.891.262
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.974.590.901
Khấu hao trong kỳ	161.706.576
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.136.297.477
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	5.816.300.361
Số dư cuối kỳ	5.654.593.785
	<hr/> <hr/>



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV DT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	3.000.000.000	3.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	2.550.000.000	2.550.000.000
▪ Công ty TNHH MTV A&G Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TOT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TG Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
	<hr/> 50.550.000.000	<hr/> 50.550.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.787.450.000	3.787.450.000
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
	<hr/> 23.787.450.000	<hr/> 23.787.450.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu	-	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	<hr/> 11.831.050.200	<hr/> 11.901.050.200

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	21.013.881.450	17.201.479.225
Tăng dự phòng trong kỳ		9.865.491.090
Sử dụng dự phòng trong kỳ		(6.053.088.865)
		<hr/>
Số dư cuối kỳ	21.013.881.450	21.013.881.450

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	
			<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/03/2012	31/12/2011
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	-
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	-
Công ty TNHH MTV Bali Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	-
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	-

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/03/2012	31/12/2011
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Nâng cấp tài sản thuê VNĐ	Chi phí đất trả trước VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	1.798.393.813	18.599.855.707	20.398.249.520
Tăng trong kỳ	-	-	-
Phân bổ trong kỳ	(182.610.978)	(124.631.891)	(307.242.869)
Số dư cuối kỳ	1.615.782.835	18.475.223.816	20.091.006.651

**13. Vay ngắn hạn**

	31/03/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Khoản vay từ nhân viên của Công ty	24.821.048.516	21.115.601.324

Các khoản vay này không được bảo đảm và chịu lãi suất tháng dao động từ 1,10% đến 1,15% (2011: từ 1.1% đến 1.15% một tháng) trong năm.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**14. Phải trả thương mại**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải trả các công ty con	21.078.756.854	24.655.680.303
Phải trả các công ty liên kết	1.100.000.000	2.024.000.000
Phải trả các bên thứ ba	77.422.855.478	105.117.096.066
	<hr/>	<hr/>
	99.601.612.332	131.796.776.369
	<hr/>	<hr/>

**15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.257.201.790	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.519.756.616	15.023.688.298
Thuê đất	2.123.275.030	-
Các loại thuế khác	-	190.950.486
	<hr/>	<hr/>
	9.900.233.436	15.214.638.784
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Chi tiết từng khoản thuế như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(4.296.209.672)	4.488.363.490	(1.321.951.414)	(1.129.797.596)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.823.479.405	(7.823.479.405)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(98.775.395)	2.146.662.108	(2.169.341.814)	(121.455.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.995.583.961)	10.252.785.751	-	6.257.201.790
Thuế thu nhập cá nhân	15.023.688.298	1.950.633.062	(15.454.564.744)	1.519.756.616
Thuê đất	-	2.125.227.305	(1.952.275)	2.123.275.030
Thuế khác	190.950.486.00	40.500.000	(231.450.486)	-
<b>Cộng</b>	<u>6.824.069.756</u>	<u>28.827.651.121</u>	<u>(27.002.740.138)</u>	<u>8.648.980.739</u>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**16. Chi phí phải trả**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Giảm giá hàng bán	65.279.189.232	98.396.878.201
Chi phí khuyến mại	53.261.559.200	43.514.942.486
Chi phí hội thảo	562.925.588	1.863.306.378
Chi phí quảng cáo	11.977.014.678	35.256.582
Lãi vay phải trả	482.391.401	393.485.351
Các chi phí phải trả khác	31.599.698.639	7.513.279.094
	<hr/>	<hr/>
	163.162.778.738	151.717.148.092
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**17. Các khoản phải trả khác**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phí công đoàn	1.491.156.833	1.335.373.209
Bảo hiểm y tế	840.027.182	498.567.101
Cổ tức phải trả	15.750.000	15.750.000
Hoa hồng phải trả	18.977.193.133	10.541.130.161
Phải trả khác	2.906.124.685	3.057.876.053
	<hr/>	<hr/>
	24.230.251.833	15.448.696.524
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

## Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)

### 18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng việc phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VNĐ	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	12.929.842.833	2.164.796.237	22.218.888.308	37.313.527.378
Phân bổ cho quỹ	-	-	-	-
Chuyển từ quỹ phúc lợi			165.423.996	165.423.996
Khấu hao TS hình thành từ quỹ phúc lợi			-	-
Sử dụng quỹ	(7.100.793.986)	(234.030.314)		(7.334.824.300)
Số dư cuối kỳ	5.829.048.847	1.930.765.923	22.384.312.304	30.144.127.074

### 19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số dư đầu năm	33.464.925.600
Trích lập dự phòng trong kỳ	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(395.675.451)
Số dư cuối kỳ	33.069.250.149

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập dựa trên số năm làm việc và mức lương hiện tại của nhân viên đó.



## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty đã đóng 540 triệu VNĐ (kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2011: 365 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp, trong đó 1% thu từ lương cơ bản của CBNV, 1% được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	24.405.312.797
Sử dụng quỹ trong kỳ	(444.585.454)
Quỹ KHCN đã hình thành TSCĐ	434.835.454
Khấu hao TS hình thành từ quỹ KHCN	(167.349.274)
Số dư cuối kỳ	<u>24.228.213.523</u>

## **21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/03/2012</b>		<b>31/12/2011</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VNĐ</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VNĐ</b>
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	65.176.429	651.764.290.000	65.176.429	651.764.290.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>65.166.299</u>	<u>651.308.440.000</u>	<u>65.166.299</u>	<u>651.308.440.000</u>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	<b>1/1/2012 đến 31/3/2012</b>		<b>1/1/2011 đến 31/3/2011</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VNĐ</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ				
Cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ				
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm				
Cổ phiếu quỹ phát hành lại trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**22. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	534.176.413.601	517.353.686.044
▪ Hàng hóa đã bán	14.814.566.412	26.166.723.103
▪ Hàng khuyến mại	27.122.788.898	22.741.962.724
	576.113.768.911	566.262.371.871
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.231.719.310)	(2.415.841.262)
	573.882.049.601	563.846.530.609
Trong đó:		
▪ Thành phẩm đã bán	531.944.694.291	514.950.417.938
▪ Hàng hóa đã bán	14.814.566.412	26.154.149.947
▪ Hàng khuyến mại	27.122.788.898	22.741.962.724

**23. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	291.473.811.623	269.521.331.171
Hàng hóa đã bán	14.113.974.640	24.249.442.764
Hàng khuyến mãi	25.465.410.643	22.459.289.926
	331.053.196.906	316.230.063.861

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)****24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	4.716.973.664	9.423.466.171
Lãi thanh lý đầu tư dài hạn	20.000.000	
Cổ tức	515.450.800	78.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	302.167.637	2.292.462.463
Thu lãi phạt nợ	66.482.820	
	<hr/>	<hr/>
	5.621.074.921	11.794.228.634
	<hr/>	<hr/>

**25. Chi phí tài chính**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	850.659.172	323.372.767
Lỗ chênh lệch tỷ giá	653.761.987	1.032.950.363
Chi phí tài chính khác	27.540.048	37.970.425
	<hr/>	<hr/>
	1.531.961.207	1.394.293.555
	<hr/>	<hr/>

**26. Chi phí bán hàng**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	45.765.375.352	55.460.454.294
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.233.285.776	1.511.930.089
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.105.326.453	743.966.619
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.886.221.576	2.000.313.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.037.281.189	44.460.188.906
Chi phí bằng tiền khác	25.330.958.551	30.345.632.280
	<hr/>	<hr/>
	118.358.448.897	134.522.485.211
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)****27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.236.554.534	23.084.983.983
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.327.090	1.090.909
Chi phí dụng cụ đồ dùng	540.849.431	634.126.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.228.009.135	1.931.379.275
Thuế, phí và lệ phí	75.379.551	186.407.552
Chi phí dự phòng	1.919.000	1.907.151.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.416.059.415	1.560.256.543
Chi phí bằng tiền khác	5.104.099.204	3.928.396.440
	<hr/>	<hr/>
	30.635.197.360	33.233.792.478

**28. Thu nhập khác**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Thu nhập từ bán phế liệu	147.347.116	187.594.854
Thu từ thanh lý tài sản cố định	642.398.966	367.227.273
Thu từ cho thuê đất, nhà và thuê xe	409.545.455	136.546.739
Thu từ công trình quỹ phúc lợi	220.115.946	
Thu nhập khác	503.354.212	532.181.176
	<hr/>	<hr/>
	1.922.761.695	1.223.550.042

**29. Chi phí khác**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	527.867.501	234.756.637
Chi phí phạt thuế	-	67.719
Chi phí khác	628.102.356	872.680.686
	<hr/>	<hr/>
	1.155.969.857	1.107.505.042

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản dự phòng	3.300.000.000	3.300.000.000

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2012</b>	<b>31/3/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.252.785.751	11.132.689.955

**(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2012</b>	<b>31/3/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	98.691.111.990	90.376.169.138
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.634.434.205	18.780.116.509
Thuế thu nhập không chịu thuế	(128.862.700)	(19.575.000)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(10.252.785.754)	(7.627.851.554)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.252.785.751	11.132.689.955

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2014 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

### **31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.438.326.239	79.243.479.183

**(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2012	31/3/2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	65.166.299	26.902.832
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành ngày 31 tháng 03 năm 2012	65.166.299	26.902.832

### **32. Cổ tức**

Nghị quyết số 008/NQ.HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 10 năm 2011 quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2011 là 65.166 triệu (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 21 tháng 11 năm 2011)

## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

### **33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

#### **Các bên liên quan**

Công ty có quan hệ liên quan với các công ty con, công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các nhân sự điều hành.

#### **Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết**

Ngoài số dư với các công ty con và các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con và công ty liên kết:

	<b>Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VNĐ</b>	<b>Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VNĐ</b>
<b>Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG</b>		
Mua nguyên vật liệu	40.571.113.229	38.928.204.486
Bán nguyên vật liệu	2.999.045.100	15.002.231.845
Dịch vụ điện, nước, gạo, thuê đất	309.201.388	376.251.047
<b>Công ty TNHH MTV Du lịch DHG</b>		
Bán dịch vụ (cho thuê xe, thuê nhà)	319.545.455	
Bán hàng hóa	-	2.961.000
Mua dịch vụ	3.659.404.998	533.868.182
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM</b>		
Bán thành phẩm	7.244.654.248	8.008.240.089
Bán hàng khuyến mại	318.613.226	72.161.410
Cho thuê nhà		
<b>Công ty TNHH MTV DT Pharma</b>		
Bán thành phẩm	10.139.702.712	6.268.980.971
Bán hàng khuyến mại	221.707.082	197.459.058
Cho thuê nhà	90.000.000	
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT</b>		
Bán thành phẩm	10.155.941.616	8.960.979.233
Bán hàng khuyến mại	396.730.119	147.654.273
Cho thuê nhà		
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST</b>		
Bán thành phẩm	7.709.576.884	8.486.182.860
Bán hàng khuyến mại	352.265.524	261.969.606



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VNĐ	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VNĐ
<b>Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG</b>		
Mua nguyên vật liệu	9.078.979.519	7.457.929.616
Bán hàng hóa	562.644.313	421.218.317
Bán thành phẩm	-	46.690.000
Phí dịch vụ gia công	1.412.719.367	985.085.535
Dịch vụ điện, nước, gạo, thuê đất	111.085.955	206.771.734
<b>Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu</b>		
Bán hàng hóa	12.000.000	
Bán thành phẩm	20.928.852.332	16.552.019.317
Bán hàng khuyến mại	459.125.377	410.857.503
Bán tài sản cố định, CCDC		
Cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm		4.084.135
<b>Công ty TNHH MTV A&amp;G Pharma</b>		
Bán thành phẩm	23.025.119.110	22.624.398.893
Bán hàng khuyến mại	771.639.681	762.562.987
<b>Công ty TNHH MTV TOT Pharma</b>		
Mua hàng hóa	910.045.130	2.748.066.089
Nhập hàng khuyến mãi	633.808	
Bán thành phẩm	29.156.131.171	12.248.686.180
Bán hàng khuyến mại	727.221.620	443.431.774
Bán hàng hóa	-	18.548.091
Dịch vụ điện, gạo	6.525.110	1.399.480
<b>Công ty TNHH MTV TG Pharma</b>		
Bán thành phẩm	6.628.451.516	10.196.657.720
Bán hàng khuyến mại	235.194.922	105.816.867
Bán tài sản, công cụ dụng cụ	83.546.137	
Mua tài sản	429.984.846	
<b>Công ty TNHH MTV Bali pharma</b>		
Bán thành phẩm	7.830.523.164	
Bán hàng khuyến mại	134.068.775	
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG</b>		
Bán thành phẩm	420.000	

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

	Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VNĐ	Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VNĐ
<b>Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo</b>		
Mua nguyên vật liệu	1.166.000.000	2.337.000.000
Thu nhập cổ tức	-	

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/03/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
<b>Công ty TNHH MTV Du lịch DHG</b>		
Phải thu tiền cho thuê xe	351.500.000	
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM</b>		
Phải thu tiền hàng	6.989.031.967	9.223.560.742
<b>Công ty TNHH MTV DT Pharma</b>		
Phải thu tiền hàng	6.092.213.783	5.973.357.696
Phải thu tiền hàng do công ty con thu hộ		19.020.809
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT</b>		
Phải thu tiền hàng	4.774.242.667	4.558.134.370
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST</b>		
Phải thu tiền hàng	6.209.644.470	10.191.913.918
<b>Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG</b>		
Phải thu tiền hàng	6.052.518	-
<b>Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu</b>		
Phải thu tiền hàng	11.828.072.523	12.291.410.395
<b>Công ty TNHH MTV A&amp;G Pharma</b>		
Phải thu tiền hàng	20.198.194.121	21.339.776.285
<b>Công ty TNHH MTV TOT Pharma</b>		
Phải thu tiền hàng do công ty con thu hộ	37.611.133	649.939.733
Phải thu tiền hàng	30.570.183.967	35.395.938.552

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

***Công ty TNHH MTV TG Pharma***

Phải thu tiền hàng	4.768.038.567	4.927.100.483
--------------------	---------------	---------------

***Công ty TNHH MTV BALI Pharma***

Phải thu tiền hàng	7.675.095.758	7.950.581.648
Phải thu tiền cty con thu hộ	16.073.466	

***Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG***

Phải thu tiền hàng	462.000	
--------------------	---------	--

***Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường***

Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	356.765.200	356.765.200
--------------------------------	-------------	-------------

**Cộng nợ phải thu**

<b>99.873.182.140</b>	<b>112.877.499.831</b>
-----------------------	------------------------

***Công ty TNHH MTV In - Bao bì DHG***

Phải trả tiền hàng	16.383.997.765	22.378.470.648
--------------------	----------------	----------------

***Công ty TNHH MTV Du lịch DHG***

Phải trả dịch vụ	1.575.560.500	-
------------------	---------------	---

***Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG***

Phải trả tiền hàng	3.119.198.589	2.277.209.655
--------------------	---------------	---------------

***Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo***

Phải trả tiền hàng	1.100.000.000	2.024.000.000
--------------------	---------------	---------------

**Cộng nợ phải trả**

<b>22.178.756.854</b>	<b>26.679.680.303</b>
-----------------------	-----------------------

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	<b>Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VNĐ</b>	<b>Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VNĐ</b>
Lương	617.675.147	766.633.193
Thù lao	618.000.000	618.000.000
Tiền thưởng	104.167.500	115.570.000
	<u>1.339.842.647</u>	<u>1.500.203.193</u>

**34. Cam kết mua sắm tài sản**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/03/2012 VNĐ</b>	<b>31/12/2011 VNĐ</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	716.806.528.846	698.955.443.787
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	17.972.595.482	17.697.277.500
	<u>734.779.124.328</u>	<u>716.652.721.287</u>

**35. Nợ thuần bằng ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, nợ thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<b>USD</b>	<b>EUR</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	294.374	168.509
Phải thu thương mại	80.827	-
Phải trả thương mại	(2.850.183)	(6.495)
	<u>(2.474.982)</u>	<u>162.014</u>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 (tiếp theo)**

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ ngày 1/1/2012 đến 31/3/2012 VNĐ</b>	<b>Từ ngày 1/1/2011 đến 31/3/2011 VNĐ</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	264.857.464.353	242.797.322.731
Chi phí nhân công	108.210.854.398	113.226.544.422
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.400.755.167	9.491.805.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.612.571.924	59.159.632.637
Các chi phí khác	32.425.936.401	38.249.691.728
	<b>473.507.582.243</b>	<b>462.924.996.873</b>

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
*Kế toán trưởng*

Lê Chánh Đạo  
*Phó Tổng Giám đốc*

Ngày 24 tháng 04 năm 2012